

SINH HOẠT TÍN NGƯỠNG TRONG GIA ĐÌNH VIỆT NAM: NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN

Tóm tắt: Việt Nam là một đất nước nhiều tộc người. Mỗi tộc người, nhóm tộc người đều có những khuôn mẫu văn hóa và hệ thống các hoạt động TNTG riêng. Bài viết này ngoài việc nhận diện các sinh hoạt tín ngưỡng trong gia đình người Việt và một số tộc người thiểu số, còn đưa ra một số đặc trưng cơ bản trong sinh hoạt tín ngưỡng của gia đình người Việt và gia đình các tộc người thiểu số, qua đó rút ra các đặc điểm chung, riêng và mối dây liên hệ gắn bó tộc người.

Từ khóa: Sinh hoạt tín ngưỡng; hoạt động TNTG; gia đình Việt Nam.

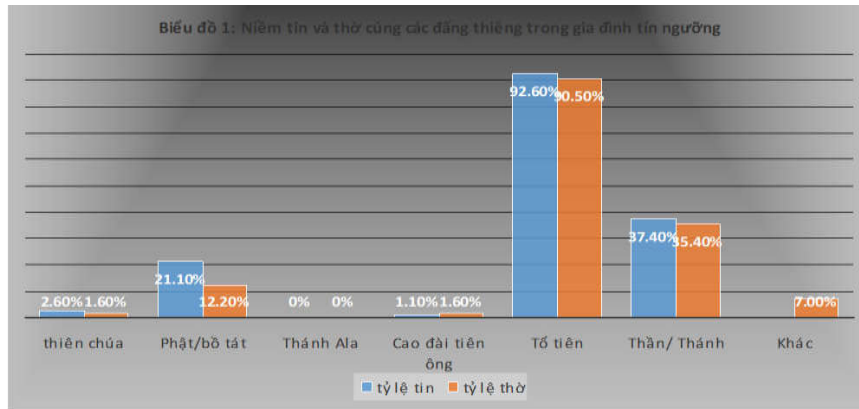
1. Sinh hoạt tín ngưỡng trong gia đình Việt Nam - Những nét cơ bản

Sinh hoạt tín ngưỡng trong gia đình Việt Nam nói chung rất phong phú và đa dạng. Trên thực tế, các gia đình tín ngưỡng cũng là các gia đình sở hữu đa niềm tin tôn giáo và thờ cúng khá nhiều các đối tượng thiêng, trong đó phổ biến là tin vào linh hồn tổ tiên, thần thánh, Phật/Bồ Tát, và cả Chúa Jesus. Tuy nhiên, Allah lại gần như không phải là đáng thiêng mà các gia đình tín ngưỡng quan tâm. Khảo sát của Viện Nghiên cứu Tôn giáo trong năm 2017 cho biết với 205 hộ gia đình tín ngưỡng¹ thì tỷ lệ tin và thờ cúng giữa các đối tượng thiêng trong gia đình là ngang nhau (xem Biểu đồ 1).

* Viện nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

Bài viết này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài khoa học *Hoạt động tín ngưỡng - tôn giáo trong gia đình Việt Nam hiện nay* do Nguyễn Quốc Tuấn (Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) làm chủ nhiệm.

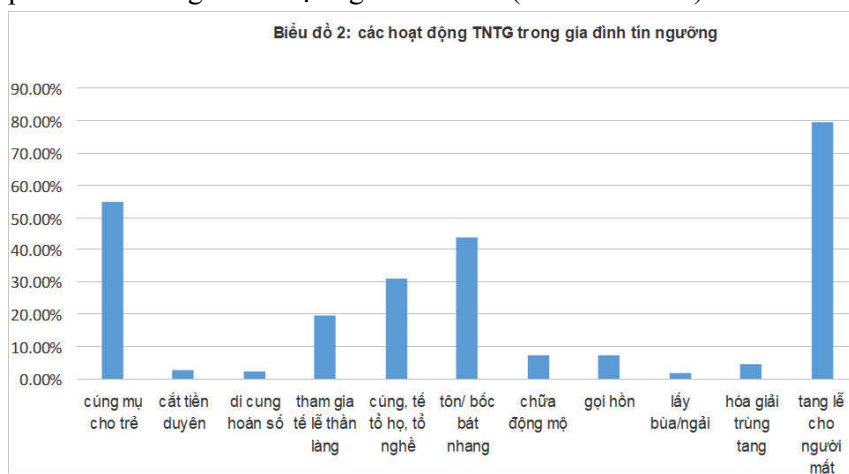
Ngày nhận bài: 11/7/2018; Ngày biên tập: 16/7/2018; Ngày duyệt đăng: 23/7/2018.



Mặc dù tư liệu khảo sát cho thấy tổ tiên được tin và thờ chiếm tỷ lệ cao nhất trong các gia đình tín ngưỡng, sau đó là các vị thần/ thánh, đứng thứ ba mới là Phật và các vị Bồ tát. Tuy nhiên, cũng đã xuất hiện tỷ lệ nhỏ các gia đình tín ngưỡng tin và thờ Thiên Chúa và một số đối tượng khác. Điều này được lý giải bởi sự biến động về nền tảng cấu trúc gia đình người Việt khoảng vài chục năm trở lại đây, đó là tỷ lệ gia đình hạt nhân ngày một phổ biến, xuất hiện các loại hình gia đình mới: gia đình đơn thân, gia đình cùng giới và gia đình đa tôn giáo (tức là trong một gia đình có từ hai tôn giáo trở lên). Vì vậy, sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo trong gia đình người Việt cũng do đó mà càng trở nên đa dạng và phức tạp hơn.

Đối với các loại hình gia đình tín ngưỡng thì điểm nổi bật là các sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo trong gia đình chủ yếu liên quan đến các hoạt động cúng tế tổ tiên và thần thánh. Cúng lễ tổ tiên trong phạm vi gia đình theo trục hệ từ 3 đến 5 đời; cúng tế thủy tổ theo quy mô dòng họ. Hoạt động này vừa là cách để thực hiện các chiều kích ứng xử giữa hiện tại với quá khứ: tỏ lòng biết ơn giữa con cháu với tổ tiên ông bà; mong muốn ông bà tổ tiên phù hộ độ trì cho con cháu;... Các hành vi cúng lễ qua giỗ chạp thực chất là một cách thể hiện sự kết nối liên thông giữa hai thế giới: thế giới của người sống với thế giới của người đã mất. Thậm chí nhiều gia đình còn mong muốn gặp lại người thân đã mất của mình ở thế giới khác có đầy đủ hay thiếu thốn, có trách phạt hay hài lòng với người còn đang sống, vì thế ngoài hoạt động cúng tế, chết giỗ, nhiều gia đình người Việt trong những năm gần đây còn tổ chức thêm nhiều các hoạt động khác: Xem bói, cầu an, giải hạn, gọi hồn, tạ mộ,

phả độ gia tiên, lên đồng hầu bóng, v.v... Những hoạt động này trước giai đoạn Đổi mới gần như đã bị hạn chế, thậm chí có hoạt động đã bị xóa bỏ, nhưng khoảng vài chục năm trở lại đây nhiều hoạt động đã hồi phục và ngày càng trở nên khá phổ biến. Các nghiên cứu của chúng tôi cho thấy khi tổ chức các hoạt động này ở các gia đình vừa thể hiện sự quan tâm, mong muốn báo đáp của người sống với người đã chết, nhưng lại vừa thể hiện sự sợ hãi, bất an của người còn đang sống. Đặc biệt tâm lý tổ chức các hoạt động này vì mục đích cầu tổ tiên, thần thánh phù độ cho làm ăn phát đạt, thăng tiến quan lộ cũng chi phối khá nhiều ở các gia đình người Việt. Trong khi đó các hoạt động này không phổ biến ở các gia đình tộc người thiểu số (xem Biểu đồ 2).



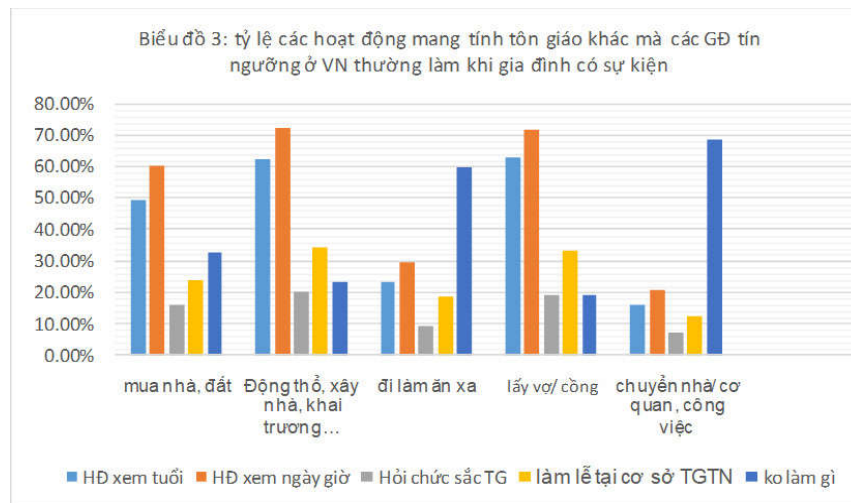
Nếu làm phép so sánh những hoạt động này giữa gia đình người Việt và gia đình các tộc người thiểu số cho thấy kết quả như sau (Bảng 1):

Bảng 1: Các hoạt động TN	Gia đình người Việt (tỷ lệ%)	Gia đình các tộc người thiểu số (tỷ lệ%)
Cúng mự cho trẻ mới sinh	46.5	30.8
Cắt tiền duyên	3.1	2.6
Di cung hoán số	2.7	2.6
Tế lễ thần/ thánh	13.5	17.9
Cúng tế tổ họ, tổ nghề	26.2	28.2
Bốc bát nhang	38.3	17.9
Chữa động mộ	5.6	7.7
Gọi hồn, áp vong	5.4	2.6

Lấy bùa, ngãi	1.8	2.6
Hóa giải trùng tang	2.9	5.1
Các lễ thức trong tang ma	73.3	71.8

(Nguồn: Số liệu khảo sát của đề tài “các hoạt động TNTG trong gia đình Việt Nam do Viện Nghiên cứu Tôn giáo chủ trì thực hiện năm 2017)

Nhìn vào bảng trên, thấy rất rõ các gia đình tín ngưỡng giữa người Việt và gia đình người dân tộc thiểu số tiến hành khá nhiều các hoạt động tín ngưỡng, nhưng không đều nhau. Mặc dù các hoạt động liên quan đến người chết vẫn là cao nhất, sau đó là đón một người mới chào đời được thực thi nhiều thứ hai. Ngoài ra, các hoạt động mang tính TNTG khác như: xem bói, xem ngày giờ, làm lễ... cũng được thực thi khi trong gia đình có các sự kiện (mua nhà, đất, xây nhà, hôn sự, đi làm ăn xa... - xem Biểu đồ 3).



Như vậy, đối với các gia đình tín ngưỡng nói chung, các hoạt động tín ngưỡng diễn ra khá nhiều. Điều này cho thấy tính trông chờ, lệ thuộc vào các tha lực bên ngoài, phụ thuộc vào các thứ vô hình, siêu hình ở các gia đình tín ngưỡng khá cao. Điều đặc biệt là mục đích của các hoạt động tín ngưỡng ở các gia đình Việt Nam không chỉ để giải đáp các câu hỏi tối thượng mà còn là để giải quyết các mục đích hiện sinh. Sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo trong gia đình người Việt còn thể hiện rất rõ tâm lý đòi hỏi, cầu xin cho những nhu cầu của cuộc sống hằng ngày: cầu ông bà tổ tiên phù hộ cho sức khỏe, mua may bán đất,

học hành thi cử, bán đất bán nhà,... Những cầu xin mang tính thực dụng này không phải bây giờ mới có nhưng càng những năm gần đây, khi kinh tế thị trường phát triển mạnh mẽ, những nhu cầu này càng rõ nét và như vậy thì chiều cạnh biết ơn, tạo lý do cho xum họp gia đình chỉ là một trong những chức năng của thực hành tín ngưỡng.

Bảng 2: Mục đích của các thực hành tín ngưỡng

STT	Các mục đích	Ở các gia đình người Việt	Ở các tộc người
1	Bày tỏ niềm tin tôn giáo	81.0	80.3
2	Liên hệ với đấng thiêng	57.5	53.3
3	Tìm kiếm sự che chở	69.2	69.3
4	Giải quyết vấn đề của cá nhân sau khi chết	51.7	44.2
5	Cầu cho làm ăn	56.4	49.6
6	Cầu chữa bệnh	44.4	40.9
7	Duy trì truyền thống văn hóa	46.9	35.8
8	Tìm kiếm sự tư vấn từ các chức sắc TGTN	30.9	23.4
9	Để tham gia sinh hoạt cộng đồng	40,0	36.5
10	Để kết nối các thành viên trong gia đình	40.6	29.2

(Nguồn điều tra của đề tài: Hoạt động tín ngưỡng trong gia đình Việt Nam năm 2017)

Như vậy, trong sinh hoạt tín ngưỡng bên cạnh các mục đích thuần túy tôn giáo (mục đích 1,2,3,4), các gia đình người Việt và cả các tộc người ở Việt Nam còn lồng ghép khá nhiều các mục đích khác nhằm đáp ứng các nhu cầu của cuộc sống, làm ăn (mục đích thứ 5). Các nhu cầu này ngày càng thể hiện rõ rệt và gia tăng thể hiện ở hình thức thực hành thờ cúng thần tài ngày càng phổ biến ở các gia đình người Việt hiện nay (xem biểu đồ 4).



(Nguồn: Điều tra của đề tài: *Niềm tin và thực hành tôn giáo (Nghiên cứu trường hợp thờ thần, thánh ở châu thổ Bắc Bộ Việt Nam, năm 2015)*

Một biểu hiện khác trong sinh hoạt tín ngưỡng tại nhà của các gia đình người Việt hiện nay là việc tổ chức các hoạt động cúng lễ tổ tiên, cha mẹ đã mất không chỉ tập trung ở nhà con cả, con trai nữa mà các con đều có thể lập bàn thờ gia tiên, con gái cũng có thể lập ban thờ để thờ phụng tại nhà riêng của mình². Nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Ngọc về thờ cúng tổ tiên của gia đình người Việt tại đô thị cho biết: “hoạt động thờ cúng tổ tiên từ chỗ tập trung tại nhà con trai trưởng chuyển sang tại nhà các thành viên gia đình. Hiện nay, tại nhiều gia đình đô thị, tổ chức cúng giỗ tập trung tại nhà con trai trưởng được chuyển thành tổ chức cúng giỗ tại từng gia đình thành viên trong gia đình. Vai trò của người phụ nữ trong cúng giỗ cũng đã thay đổi. Người phụ nữ không còn chỉ là người phụ trợ, chuẩn bị đồ cúng, nấu cơm cúng mà là người trực tiếp dâng đồ cúng lên ban thờ, trực tiếp làm chủ lễ thực hiện cúng giỗ tổ tiên”³.

Lễ hội làng và tham gia vào các sinh hoạt tín ngưỡng trong lễ hội làng của các gia đình vùng nông thôn vẫn diễn ra phổ biến. Với tính chất là thời điểm mạnh trong không gian văn hóa làng xã, lễ hội làng (kể cả làng thuần nông và làng công thương nghiệp) ngày nay vẫn thu hút số đông các gia đình tham gia. Những ngày này, tất cả mọi thành viên trong gia đình, gia tộc đều được quyền thực thi nguyện vọng và ước muốn của mình. Vừa là để tham gia thực hành nghi lễ tế thần nhưng cũng là dịp toàn dân trong bản hạt đều có dịp mở mây mở mặt với nhau và với thiên hạ. Người ta đua nhau, thi với nhau về sản vật chăn nuôi, trồng cấy, cũng là ngày từ người chân lấm hàn vi nhất trong làng cũng có dịp được mặc manh áo mới để “ngẩng mặt” với hàng xóm, cũng là ngày dân thiên hạ nô nức tới/đi trải hội để giao lưu, để đổi trao và cũng là để học hỏi, tìm hiểu nhau (ngày nay những

sắc thái này vẫn giữ nguyên nếp cũ⁴. Từ những hội lễ, lễ hội này mà các tài năng cá nhân không còn bị bó cứng, vấp vạ trong gia đình để bung nở trong một không gian mới. Không hiếm các cá nhân đã vượt ngưỡng từ đây mà trở thành những nghệ nhân dân gian xuất sắc có nhiều công lao trong sáng tác, xây dựng nền nghệ thuật dân gian đặc sắc. Ở khía cạnh này, thực hành các hoạt động tín ngưỡng không chỉ là biểu diễn cho thần linh xem; tế lễ thần thánh mà còn là cơ hội để tâm hồn, tài năng con người lam lũ được thăng hoa và biểu diễn tại không gian thiêng chính là cái cớ để mọi hành vi nghệ thuật có thể vượt ngưỡng mà không lo sợ bị khống chế, trừng phạt. Nhờ những không gian đó mà hàng loạt các thể hệ nghệ nhân dân gian đã lần lượt được vinh danh và trở thành những viên ngọc sáng của nền văn nghệ dân gian mà các nghệ nhân quan họ, nghệ nhân sẩm, nghệ nhân hát văn, ca trù... là những ví dụ.

2. Một số đặc trưng cơ bản trong sinh hoạt tín ngưỡng ở các gia đình người Việt

Là dân tộc chủ thể, chiếm đại đa số dân số, cư trú chủ yếu khu vực đồng bằng, đô thị, lại tiếp thu nhiều yếu tố văn hóa ngoại nên sinh hoạt tín ngưỡng của các gia đình người Việt nổi lên một số đặc trưng sau:

Trong sinh hoạt tín ngưỡng có sự lồng ghép khá nhiều các yếu tố cổ truyền và hiện đại; sự đan xen của các sắc thái tam giáo (Phật - Lão - Nho). Thể hiện rõ nhất trong sinh hoạt lên đồng thờ thánh/ thánh mẫu. Với tính chất mở, dễ dàng tiếp thu, cải biến và chỉ chú ý hình thức bên ngoài của các tôn giáo, chú trọng đến nhu cầu của chủ thể thực hành nên trong gia đình người Việt có thể có nhiều biểu tượng tôn giáo cùng song hành (cùng một gia đình có thể thờ cả Phật, thánh, tổ tiên), vì vậy sinh hoạt tín ngưỡng cũng đồng thời xảy ra nhiều hoạt động: cúng lễ tổ tiên, lên đồng hầu thánh, cúng Phật.

Tính giới và biểu hiện đảo chiều về giới đã có nhiều thay đổi trong sinh hoạt tín ngưỡng ở gia đình người Việt thời gian gần đây thể hiện: về hình thức tổ chức sinh hoạt tín ngưỡng trong gia đình người Việt trong những năm gần đây đã có nhiều thay đổi thể hiện rất rõ ở những biểu hiện phân ly trong thờ cúng tổ tiên của gia đình. Trong khi sinh hoạt tín ngưỡng ở các gia đình tộc người thiểu số vẫn còn khá giản dị, việc duy trì tính biểu tượng tôn giáo vẫn còn mật độ cao thì ở người

Việt sinh hoạt tín ngưỡng lại thiên về phong phú hình thức và thực dụng hơn, nhất là thời gian gần đây.

Một đặc điểm khác trong sinh hoạt tín ngưỡng của các gia đình người Việt là sự gia tăng tổ chức các cuộc hành hương đi lễ tại các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo bên ngoài phạm vi sinh sống của gia đình: đi khấn lễ thần/ thánh, đến chùa cúng Phật, đi xem lễ nhà thờ, đi lễ nơi xa,... Trong những hoạt động này thì mục đích kép thường là vừa cầu khấn, xin xỏ thánh thần, vừa là đi du lịch, thăm quan. Đặc trưng của những cách thức tổ chức này thường là gia đình tự tổ chức, nhóm bạn bè, bản hội tổ chức. Với hình thức sinh hoạt tín ngưỡng này, các gia đình người Việt đã tạo ra những tiền đề để các cá nhân bước ra ngoài khuôn khổ gia đình mà hòa vào một cộng đồng làng xã, xã hội lớn hơn. Lễ hội làng, lễ hội vùng chính là môi trường rộng lớn đó. Từ công dụng này mà sinh hoạt tín ngưỡng có tác dụng củng cố đoàn kết, thúc đẩy tương giao, liên thông giữa các cá nhân - gia đình - gia tộc - làng xã - vùng miền.

3. Sinh hoạt tín ngưỡng - tôn giáo trong gia đình các dân tộc thiểu số: Những đặc trưng cơ bản

Xuất phát từ tư duy hồn linh luận, coi vạn vật đều có linh hồn và đều có khả năng chi phối lẫn nhau và chi phối tới con người, khi con người đau ốm là khi đó một hồn, vía nào đó bị thất lạc, nên một cá nhân bị đau yếu ở chỗ nào tức là do vía ở đó bị lạc nên phải mời thầy mo về làm lễ để gọi vía đó về. Ví dụ, người Thái quan niệm con người có tới 50 wai (vía) bên phải và 40 wai (vía) bên trái; người Mường cũng cho rằng con người có 90 hồn phân bố hai bên phải và trái của cơ thể; người Hmông cho rằng con người cũng có hồn vía và hồn vía này bị chi phối bởi ba tầng bên trên cõi trần: “Tầng thứ nhất là Nguru vương, tầng thứ hai là Ngọc hoàng, tầng thứ ba là Bãi Bằng, Bãi Biển. Cả ba tầng này đều cai quản hoặc ảnh hưởng đến hồn con người ở trần gian; người Mảng cũng cho rằng, trẻ con hay ốm là do hồn thích đi chơi, thích khám phá thế giới và chưa hiểu biết nên thường bị rủ đi xa không nhớ đường về dẫn tới bị ốm”⁵; thậm chí còn xem bói dao để biết bệnh do ma nào làm hại⁶,.... Điều này cho thấy những lời giải thích về nguồn cơn bệnh tật của các gia đình tộc người trong quá khứ là do ma làm (thậm chí vẫn còn chi phối đến ngày nay), tức là nhìn

nhận sự việc dưới góc độ tâm linh nhiều hơn là các chuẩn đoán khoa học. Việc xem xét, phán quyết những điều trên đều do thầy cúng định đoạt⁷. Bản tính hồn nhiên, lại cư trú ở các khu vực vùng sâu, vùng xa còn hạn chế về y tế, giáo dục và các điều kiện cuộc sống khác nên trong quá khứ hầu hết sinh mệnh con người của các gia đình các dân tộc đều lệ thuộc vào đội ngũ các thầy cúng, thầy pháp. Họ tồn tại với nhiều tư cách và tên gọi khác nhau: Mo, Mối, Pháp sư, Then, Tào... Họ là những người trực tiếp và dẫn dắt cộng đồng thực hành các hoạt động tín ngưỡng, vì vậy sinh hoạt tín ngưỡng trong đa số các tộc người thiểu số ở Việt Nam có *đặc trưng cơ bản và nổi trội nhất đó là về số lượng nhiều và thường xuyên liên tục*. Các hoạt động tín ngưỡng gần như gắn chặt với đời sống vòng đời của con người (từ khi sinh ra đến khi chết đi) và rất nhiều thực hành nghi lễ cũng gắn chặt với đời sống sản xuất, sinh kế của đồng bào. Xuất phát từ đó nên các lễ thức tôn giáo, tín ngưỡng chiếm tỷ lệ rất lớn trong đời sống sinh hoạt và đời sống tinh thần trong gia đình của các tộc người thiểu số trước đây. Tuy nhiên, trong khoảng vài chục năm trở lại đây nhiều lễ thức đã được loại bỏ, hoặc nếu có duy trì chỉ mang tính hình thức (cúng chữa bệnh được làm sau khi đã đi bệnh viện về).

Trong quá khứ, do lệ thuộc vào thần linh nên sinh hoạt tín ngưỡng trong nhiều gia đình các tộc người ở Việt Nam còn là một hình thức để đoán biết/nhận biết các ý định của đối tượng thiêng. Ví dụ, lễ thức đón trứng vía của người Tày - Nùng (Cao Bằng) để biết được người bệnh trong gia đình có còn khả năng chữa khỏi hay không⁸; Hoặc trong cưới hỏi của người Mảng thì trước khi đi đón dâu các Pò sừ (ông mối cả) cũng phải bói chân gà để hỏi xem chuyến đi có may mắn hay không⁹. Ở một khía cạnh khác trong đời sống xã hội của các tộc người thì sự trao truyền kinh nghiệm sống giữa các thế hệ rất hay được lồng ghép các yếu tố tôn giáo (làm cho có tính tôn giáo), rất có thể đó là cách/bí kíp để lưu truyền cho các thế hệ về các mật mã văn hóa, hoặc lịch sử tộc người, vì vậy không ngoại trừ nhiều hoạt động tín ngưỡng ở nhiều tộc người còn ẩn chứa rất nhiều các thông tin về tri thức bản địa. Ví dụ, trong việc chọn đất làm nhà hay làm nương; chọn vùng rừng thiêng, núi cấm, chọn đất làm nhà, làm nương... người Tày có quan niệm “Tỉ rườn kin pạng mả/Tỉ mạ kin pạng lăng”, nghĩa là: Đất

nhà ăn về đằng trước/Đất mộ ăn về đằng sau). Điều này giống như một phương châm bất di bất dịch khiến các gia đình hết sức chú ý chôn người chết chỗ đất tốt thì sẽ phù hộ cho con cháu; nhà được cất chỗ đất lành sẽ làm ăn phát đạt.

Một đặc trưng khác là trong nhiều sinh hoạt tín ngưỡng trong các gia đình tộc người không chỉ là thực hiện các hoạt động tín ngưỡng mà còn là dịp để cộng đồng gia đình, gia tộc có dịp ôn lại lịch sử tộc người. Trong tang ma của nhiều tộc người tại các gia đình khi có người thân chết đi thì không bao giờ thiếu nghi thức mời thầy mo tới nhà làm nghi lễ đọc tang ca (Mường, Thái) quá trình đọc các áng tang ca của người Mường, người Thái, người Mông... đều là những bài hát vắn mà thầy mo đọc để dẫn đưa linh hồn ngược về quá khứ, trở về đúng với nơi của tổ tiên mình đang chờ đón với những ký, tín hiệu mà thầy mo dẫn dụ. Nghiên cứu các áng mo này đều cho thấy đó cũng là những bài hát vắn chứa đầy những thông tin về lịch sử thiên di tộc người. Nhiều áng mo trong lễ tang của người thiểu số từ khởi đầu đến khi kết thúc là chuỗi những diễn biến và các sự kiện có giá trị. Đầu tiên là nói về “đạo hiếu làm người, giữa con cháu với cha mẹ tổ tiên, giữa những người trần gian với thế giới người âm, toàn bộ áng mo chứa đựng nhiều yếu tố huyền thoại vô cùng sáng tạo và độc đáo bởi trí tưởng tượng siêu phàm, đưa người nghe đến cảm giác đi vào một thế giới như thực, như mơ”¹⁰, đặc biệt là mo Kiện (người Mường), Mo lên trời (người Thái)¹¹. Trong bối cảnh văn minh chưa hoặc không thiên về văn bản, chữ viết thì chính khi ngồi nghe tang ca để tiễn đưa người quá cố thì cũng là dịp để các cá nhân trong gia đình, dòng họ ghi nhớ về lịch sử tộc người của mình mà ý thức về cộng đồng, dân tộc. Đối với những tộc người chưa có chữ viết thì những lễ thức này có giá trị hết sức quan trọng trong việc truyền dạy lịch sử văn hóa tộc người theo lối truyền khẩu.

Sinh hoạt tín ngưỡng tộc người, nhất là trong các lễ thức tang ma cũng là dịp để giáo dục người còn sống ghi nhớ công lao sinh thành, dưỡng dục của ông bà, cha mẹ, từ đó hồi hướng tâm linh, thay đổi nhận thức và điều chỉnh hành vi của người còn sống¹². Trong tang ma của người Thái còn có lễ thức “khôn lúc pục túm”¹³. Trong nghi lễ này, thầy mo hát bài hát để đánh thức hồn dậy và chỉ cho hồn biết bây

giờ là ai, sẽ đi về đâu... và kể về toàn bộ quá trình thai nghén, sinh đẻ và nuôi dưỡng, làm ăn cùng con cái, làng mạc cho đến lúc già chết như thế nào. Lễ thức này không chỉ góp phần yên ủi người đã mất mà còn có tác dụng chỉ ra quy luật sinh tồn con người và có tác dụng động viên, giảm đau thương cho người còn sống, an ủi linh hồn người chết. Người Thái xưa còn giữ tục ngồi bếp uống thuốc lá cây, ăn kiêng để trả nghĩa cho người mẹ đã mất cũng là một cách giáo dục rất tốt cho các thế hệ con cháu thấu nhớ công lao sinh thành dưỡng dục của người đã ra đi.

Cũng giống như nhiều tộc người trên dải đất Việt Nam sinh, hoạt tín ngưỡng của nhiều tộc người thiểu số ở Việt Nam rất chú ý đến những nghi lễ cho cuộc sống của con người. Kể từ khi người mẹ mang thai tới khi sinh nở ở nhiều tộc người vẫn tiến hành rất nhiều lễ nghi nhằm bảo vệ bà mẹ và hài nhi còn yếu ớt. Từ *lễ xin hoa, giữ vía hoa, giải hạn bảy chẵn hồng, an thai 7 tháng, rào vía trẻ, đóng dấu ngọc hoàng, viết tên vào áo...* đến *lập bàn thờ mẹ biooc* (khi trẻ đầy tháng); *xua đuổi tà quỷ để bảo vệ trẻ, cắt tóc, tẩy uế, đưa trẻ xuất hành, đón vía, mở thuyền buộc vía trẻ*¹⁴... đều là những nghi lễ trải dài từ khi bà mẹ mang thai tới khi trẻ nhỏ ra đời và đủ 12 năm tuổi. Các nghi lễ tuy nhiều và luôn luôn có vai trò của thầy mo nhưng cho thấy ý thức về chăm sóc, che chắn và bảo vệ trẻ em chiếm số lượng lớn trong các nghi lễ tôn giáo ở tộc người thiểu số.

Một đặc trưng khác thấy hiển lộ rất rõ là trong các nghi lễ tôn giáo của các gia đình tộc người thiểu số thì *sự xuất hiện của các vật chất như trứng, ngô, gà, vịt sống, lá thom (lá bưởi) chổi quét nhà đặc biệt có tần xuất cao và mang những ý nghĩa tâm linh quan trọng*. Ví dụ, trứng luôn luôn là vật để thu vía con người về (trong những trường hợp cần làm nghi lễ thu hồn vía bị thất lạc)¹⁵; điều này thể hiện rất rõ trong các *nghi lễ đón vía trẻ* ở người Tày; gọi hồn vía về trong *nghi lễ chữa bệnh Shaman* của người Hmông¹⁶; lễ xem đất đào huyệt mộ của người Thái¹⁷; Nghi lễ *bù lương bên côi âm* của người Tày - Nùng¹⁸. Một vật chất khác là ngô hạt được coi như những hòn đạn bắn ra để xua đuổi tà ma; Gà, vịt sống là vật để linh hồn nhập vào¹⁹ hoặc để hồn ma quỷ nhập vào cũng rất phổ biến. Xuất phát từ quan niệm con gà có vai trò gây sáng trong hành trình lên mừng trời của các linh hồn,

cùng với con vịt là hai con vật đi gọi Mặt Trời lên mang lại ánh sáng cho con người và muôn loài sau nạn đại hồng thủy, vì vậy con gà được nhắc đến rất nhiều trong áng mo Âm Oóc Cáy (mo tô ngài nọi) ở người Thái. Đặc biệt con gà có vai trò quan trọng trong nghi thức Kháu cóm (nhập hồn vào quan)... Một vật khác cũng có tần xuất nhiều trong các hoạt động TNTG của các tộc người là các loại lá thơm, trong đó đặc biệt là lá bưởi. Với công năng để tẩy uế (tắm lá bưởi cho trẻ mới sinh; dùng lá bưởi cắt thành hình tròn làm tiền để đi đón vía trẻ; Dùng lá bưởi đặt trên bàn thờ để thực hành nghi lễ then của người Tày (Cao Bằng); Dùng lá bưởi, lá sả, lá hương nhu trong nghi lễ chữa bệnh Shaman của người Hmông trắng Hà Giang²⁰). Không phủ nhận *trong các nghi lễ tôn giáo của các gia đình tộc người thiểu số có sự hợp nhất với nhiều yếu tố của y học dân gian*.

4. Một số điểm tương đồng và khác biệt trong sinh hoạt tín ngưỡng của các gia đình người Việt và các gia đình tộc người thiểu số

Tuy có nhiều khác biệt nhưng trong các hoạt động tín ngưỡng của gia đình các tộc người thiểu số, nhất là người Tày - Nùng và gia đình người Việt ở Việt Nam vẫn có khá nhiều điểm chung: dùng trứng, dùng dùng hình nhân... trong các lễ nghi tôn giáo (lễ “xin con với mẹ Biooc”, lễ an thai 7 tháng bên cối dương của người Tày - Nùng²¹; lễ trình đồng mở phủ của người Việt). Với ý nghĩa quả trứng là nơi thu giữ hồn vía và hình nhân (tượng trưng cho con người) cho thấy đa số các lễ thức tín ngưỡng truyền thống của người Việt Nam có nhiều ẩn số, biểu tượng tôn giáo giống nhau và còn mang nhiều dấu ấn của nền văn hóa cổ sơ của khu vực Đông Nam Á cổ. Điều này không chỉ chứng minh nguồn gốc Nam Á của người Việt Nam mà còn cho biết nhiều tri thức bản địa vẫn còn được lưu trữ trong các hoạt động tín ngưỡng.

Trong các hoạt động tín ngưỡng trong gia đình người Việt Nam thì đại đa số đều bị chi phối bởi quan niệm về hồn linh luận (mặc dù mức độ đậm nhạt có khác nhau giữa tộc người chủ thể (Việt) và các tộc người thiểu số, trong đó đặc biệt là quan niệm về con người với sự tồn tại của hai thể: thể xác (vật chất) và thể linh hồn (phi vật chất). Cho dù sau khi chết đi thì phụ thuộc vào quan niệm, văn hóa cả mỗi tộc người mà các thể linh hồn này đi về các miền/cảnh giới khác nhau (gia đình

người Việt thì linh hồn được trợ giúp bởi hoạt động cầu siêu của Phật giáo để về Tây phương cực lạc; còn các gia đình thuộc các tộc người thiểu số thì cho rằng linh hồn sẽ về với tổ tiên ông bà ở các Mường, Phi (vùng), như: Mường Ma (người Mường), Phi Đăm (Thái)... vì vậy nên có một điểm chung nhất giữa các gia đình ở Việt Nam là về hình thức tổ chức sinh hoạt tín ngưỡng trong tang ma có thể khác nhau nhưng các gia đình tộc người nào cũng thờ cúng/kính nhớ tổ tiên với một niềm kiên tin sâu sắc là tổ tiên sẽ luôn phù hộ cho con cháu.

Một điểm chung nữa giữa các gia đình gia đình Việt Nam là đều *có mong muốn liên hệ với thế giới thiêng thông qua các thực hành nghi lễ và đều đặt niềm tin vào một tầng lớp trung gian để làm cầu nối*, đó là đội ngũ các *medium* (trung gian/người thần dựa) những người này có khả năng thấu hiểu, nắm bắt, đoán biết, thông linh với thế giới thiêng và tùy mỗi tộc người mà họ mang những biệt danh khác nhau: Thầy đồng (Việt); thầy Mo, Mỡi (Thái, Mường); thầy Tào, Then (Tày, Nùng); thầy pháp/pháp sư (Hmông).

Trong tất cả các hoạt động tín ngưỡng của các loại hình gia đình Việt Nam từ tộc người chủ thể đến các tộc người thiểu số thì các hoạt động thực hành tín ngưỡng gắn với chu kỳ cuộc sống vòng đời (sinh ra - lớn lên - kết hôn - đau ốm - chết đi) và làm ăn sinh kế (làm nhà, sản xuất, buôn bán...) là chiếm đa số.

Một đặc trưng khác trong sinh hoạt tín ngưỡng ở các gia đình Việt Nam là *sự gần gũi không cách biệt giữa đối tượng thiêng và con người*. Trong ứng xử với thần linh, hay linh hồn tổ tiên của người Việt Nam thì đó lại là mối quan hệ hai chiều: có đi có lại, hay nói một cách chính xác hơn đó là *đòi quyền được dân chủ giữa người - thần*. Tư thế này thể hiện ở chỗ *có kính - thờ nhưng không phải là khiếp sợ, tránh xa mà là đến gần và bằng mọi cách xác lập mối quan hệ tương hỗ có qua có lại, trách nhiệm luôn đi liền với quyền lợi*. Con người có trách nhiệm thờ cúng thần linh và ngược lại thần linh kể cả tổ tiên đến ông trời đều có trách nhiệm phù hộ độ trì lại cho con người. Tình trạng này cũng còn thấy cả ở trong lời khấn thần linh của các tộc người Tây Nguyên với công thức: “hỡi các thần (kể tên từng vị), chúng tôi muốn (nêu yêu cầu), chúng tôi đã cho các vị (liệt kê các vật hiến tế), mong các vị giúp chúng tôi đạt được ý muốn. Một số nơi còn thêm lời giao

hẹn: nếu các vị không giúp chúng tôi sang năm chúng tôi không cúng các vị nữa! (Tô Ngọc Thanh 1995). Như vậy, việc sử dụng lễ vật trong cúng thần ở các gia đình Việt Nam thực ra chỉ là để cho có thêm nhiều vật chất nữa. Đó là tư duy rất thực tế, đời thường của cư dân nông nghiệp lúa nước. Ở đây ta thấy quyền năng của thần trong tư duy người Việt Nam không chỉ và không phải để cứu rỗi linh hồn hay xoa dịu sự tổn thương về nội tâm, sự mệt mỏi về tinh thần hoặc lý giải giúp con người những câu hỏi tối thượng về cuộc sống sau cái chết mà với người Việt Nam các thần ngự trên cao, ngự trong tâm tưởng họ là để đáp ứng nhu cầu về cơm ăn, áo mặc và sự sung sướng trong cuộc sống vật chất. Tư duy này quán xuyến hết thảy trong các lời kêu cầu tới thần của cả người miền xuôi lẫn miền núi, cả dân tộc chủ thể và dân tộc ít người. Đây là phương diện ứng xử mang quy phạm đạo đức với tinh thần dân chủ điển hình trong tôn giáo truyền thống ở Việt Nam khác hẳn với các tôn giáo ngoại nhập (chỉ có ở Việt Nam thì đi thi, làm ăn, dựng vợ gả chồng hay cầu con, cầu của, cầu mạnh khỏe... tất cả đều được bày tỏ trước hương án thần linh) và cầu xin trợ giúp.

Trong tâm thức dân gian, thần, thánh là kết tinh của trí tuệ và những quyền năng mà con người mong mỏi có được để thiết lập, xây dựng một cuộc sống hiện sinh tốt đẹp mà ở đó có cơm ăn áo mặc, con người có sức khỏe, có con đàn cháu đống... vì thế sinh hoạt tín ngưỡng ở Việt Nam, của Việt Nam mang ý nghĩa hiện sinh sâu sắc. *Hình tượng thánh thần: đó là những mô típ thần thiêng vừa hiểu thấu con người vừa làm thay con người, thậm chí sống thay con người* khi mà thể chế hay những trói buộc của giai cấp thống trị đương thời khiến họ không thể/ không có cách nào để sống như mình mong muốn. Từ khía cạnh này nên *thần thoại/ ngọc phả về các thần, thánh ở Việt Nam xét về khía cạnh thẩm mỹ giống như những thiên anh hùng ca trên mọi khía cạnh từ làm ăn đến đánh giặc; từ sáng tạo vũ trụ đến vui chơi*. Hình tượng Nữ Oa đội đá vá trời, nàng Ải Lặc Cặc của người Tày sáng tạo ra thế giới; truyền thuyết dựng núi cao làm tường thành để ngăn lụt lội của Sơn Tinh; hóa phép một đêm thành phố xá bán buôn tấp nập và dạy dân lam lũ làm thương mại của Chử Đồng Tử; kỳ vĩ hơn là chặt cây sinh mệnh để làm thang đi lấy Nữ thần Mặt Trời của chàng Đạm San (Tây Nguyên); dùng tre đằng ngà đập tan quân

xâm lược của Thánh Gióng hay ngao du thiên hạ sống cuộc đời tự do tự tại và khuyến thiện trừng ác của Chúa Liễu; bày trò chọn nam nữ hát đối đáp nhau để giao duyên ân tình của Vua Bà đất Kinh Bắc, v.v... chính là kết tinh của mơ ước chế ngự thiên nhiên, tinh thần ham sống và khát vọng sống tự do.

Kết luận

Với đặc trưng không cao siêu với những hệ thống luân lý trừu tượng khó hiểu, sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo truyền thống ở các gia đình tín ngưỡng Việt Nam giản dị và hiện diện giữa đời thường của con người. Nó “chịu trách nhiệm” cung ứng các “chất liệu xúc tác” cho nhu cầu thường trực của đời sống tâm lý, tâm linh, tinh thần, tình cảm của con người trong cuộc sống hiện sinh hằng ngày. Chính điều này khiến nó trở nên có giá trị hữu dụng, gắn bó mật thiết và cũng dễ dàng thay đổi theo tâm lý, nhu cầu của con người, đời người. Với những đặc trưng này mà sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống trong các gia đình tín ngưỡng ở Việt Nam từ người Việt đến các cộng đồng tộc người thiểu số cũng đồng thời là yếu tố cơ bản, cấu thành nên đời sống tâm linh và bản sắc văn hóa tộc người mà làm thành tính đa dạng, phong phú của văn hóa truyền thống Việt Nam. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Cuộc khảo sát với 1.425 phiếu hỏi đại diện hộ gia đình của các tôn giáo trên 7 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Nam Định, Quảng Nam, Ninh Thuận, Tp. Hồ Chí Minh, Cần Thơ và An Giang. Trong đó có 205 hộ gia đình tín ngưỡng (gồm cả người Việt và người thiểu số).
- 2 Khảo sát của chúng tôi cũng cho biết khi các con đi làm ăn và định cư ở xa, hoặc trong gia đình có mâu thuẫn giữa các con thì việc lập bát hương gia tiên và cha mẹ đã mất ở nơi ở mới đã diễn ra phổ biến.
- 3 Nguyễn Thị Minh Ngọc (2015), “Nhận diện thờ cúng tổ tiên trong gia đình người Việt tại đô thị hiện nay”, trong Hội thảo khoa học: *Thực trạng các hoạt động TNTG trong gia đình VN*, tổ chức tại Quảng Nam.
- 4 Cuộc khảo sát trong 3 năm liên tục của chúng tôi về vùng Viêm Xá, xã Hòa Long (Bắc Ninh) với lễ hội đình/đền Diềm cho thấy, các gia đình trong làng vẫn tham gia lễ hội với các hoạt động như: dự hội, khấn lễ, tế nam, tế nữ, hát thờ, rước kiệu, tung cầu... đặc biệt mọi nhà xung quanh khu vực đền đều vẫn giữ tục làm com thết đãi bạn bè, người thân, thông gia từ các nơi về dự lễ hội. Cả làng vẫn không khí hội tưng bừng như trong quá khứ.
- 5 Nguyễn Văn Thắng (2016), *Nghi lễ gia đình của người Mảng ở Việt Nam*, Nxb. Mỹ Thuật, Hà Nội, tr. 78.

- 6 Thầy cúng lấy hai dây lạt buộc hai đầu con dao và đem tới chỗ người bệnh và đọc bài cúng và kể tên các loại ma (ma chim, ma đá, ma sông, ma suối, ma nhà, ma cây đa, ma núi...) mỗi lần đọc tên một loại ma nào mà con dao chuyển động, thì được giải thích là do con ma đó làm hại. Xem Nguyễn Văn Thắng, Sdd, tr. 107.
- 7 Trường Lưu - Hùng Đình Quý (cb. 1996), *Văn hóa dân tộc Mông Hà Giang*, Sở VH TT Hà Giang, tr. 88.
- 8 Lễ này được thực hiện bằng cách đặt quả trứng trên mép chậu nước, thầy mo gọi vía rồi dùng lạng bài gỗ vào thành chậu, gia chủ khum hai tay cúi người hứng dưới mép chậu để hứng quả trứng rơi xuống. Nếu quả trứng rơi vào phía trong chậu nghĩa là vía không muốn về. Gõ ba lần đều như vậy đồng nghĩa với việc người bệnh ốm nặng và không có khả năng chữa khỏi (Triệu Thị Mai (2016), *Một số lễ giải hạn của người Tày - Nùng ở Cao Bằng*, Nxb. Mỹ Thuật, Hà Nội, tr. 70- 71).
- 9 Ông mới cả ngời hướng vào bếp chính, miệng đọc bài cúng, đại ý “Tôi xem chân gà, đầu gà để đi hỏi được may mắn, mong các mà làm chứng, phù hộ”. Nói xong cầm đầu gà và chân gà lên xem, nếu lưỡi gà thẳng, các ngón chân gà chụm lại thì chuyển đi sẽ may mắn. Xem: Nguyễn Văn Thắng (2016), Sdd, tr. 87.
- 10 Lương Song Toàn (2016), *Tín ngưỡng dân gian người Thái ở Mai Châu, Hòa Bình*, Q2. Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 392.
- 11 Rất tiếc trong một số năm gần đây do chính sách xây dựng làng, nhà văn hóa, và đề tuân thủ các quy định về việc tang, việc cưới... trong lễ tang của người Mường nói riêng và nhiều tộc người nói chung đã lược bỏ nhiều công đoạn, trong đó đặc biệt là đêm mo Kiện (Mường), mo lên trời (Thái) đều là những bài hát văn kể về lịch sử tộc người.
- 12 Trong nghi lễ “Khoằm sàng lúc lan” (linh hồn người chết căn dặn các con cháu trước lúc đi xa vĩnh viễn). Xem: Lương Song Toàn (2016), *Tín ngưỡng dân gian người Thái huyện Mai Châu, Hòa Bình*, Q2. Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 67.
- 13 Lương Song Toàn (2016), *Tín ngưỡng dân gian người Thái ở Mai Châu, Hòa Bình*, Q2. Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 76.
- 14 Triệu Thị Mai (2006), *Một số lễ giải hạn của người Tày - Nùng ở Cao Bằng*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội, tr. 26-60.
- 15 Trong lễ đón vía trẻ, lễ gọi vía xiêu tán xuống nước về.
- 16 Triệu Thị Mai (2006), *Một số lễ giải hạn của người Tày - Nùng ở Cao Bằng*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội, tr. 48.
- 17 Lương Song Toàn (2016), *Tín ngưỡng dân gian người Thái ở Mai Châu, Hòa Bình*, Q2. Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 70.
- 18 Trong nghi lễ này, thầy mo đọc bài ca gọi vía nhập vào quả trứng, khi quả trứng trong lòng bàn tay thầy mo từ từ dựng đứng lên tức là vía người thụ lễ đã nhập vào quả trứng, lúc đó thầy mo dùng quạt, quạt mạnh quả trứng để quả trứng lăn dần xuống tay người vợ người thụ lễ, người này đặt quả trứng vào vạt áo và ôm vào lòng, sau đó quả trứng cùng hũ gạo lễ được chuyển vào đầu giường người thụ lễ. Xem: Triệu Thị Mai (2006), *Một số lễ giải hạn của người Tày - Nùng ở Cao Bằng*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội, tr. 159.
- 19 Trong lễ đón vía trẻ thầy mo đặt con gà cạnh mâm gạo, dùng phù chú ếm vào chân gà, và gõ mâm gạo, khi gà bắt đầu mổ gạo ăn thì trao gà cho bà nội em bé đem thả chuồng (gà vía), gà này chỉ để nuôi giống ko thịt; trong lễ tiễn đưa vong linh thầy tào lên trời người Tày ở Cao Bằng luôn có sử dụng các con vật: gà, vịt, lợn còn đang sống (tư liệu điền dã tại Cao Bằng).

- 20 Tư liệu điện dã thực địa tại nhà thầy pháp shaman Lý Chử Sùng tại thôn Sùng Là, Đồng Văn, Hà Giang năm 2015. Xem: Nguyễn Ngọc Mai (2017), *Nghi lễ lên đồng: lịch sử và giá trị*, Nxb. Hà Nội, tr. 392.
- 21 Xem: Triệu Thị Mai (2006), *Một số lễ giải hạn của người Tày - Nùng ở Cao Bằng*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội, tr. 37; lễ An thai 7 tháng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trường Lưu - Hùng Đình Quý (cb, 1996), *Văn hóa dân tộc Mông Hà Giang*, Sở VH TT Hà Giang.
2. Triệu Thị Mai (2006), *Một số lễ giải hạn của người Tày - Nùng ở Cao Bằng*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
3. Nguyễn Ngọc Mai (2017), *Nghi lễ lên đồng: Lịch sử và giá trị*, Nxb. Hà Nội.
4. Nguyễn Ngọc Mai (2016), *Báo cáo tổng hợp đề tài cấp bộ “Niềm tin và thực hành tôn giáo”* (Nghiên cứu trường hợp thờ thần, thánh ở châu thổ Bắc Bộ), lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
5. Nguyễn Thị Minh Ngọc (2015), “Nhận diện thờ cúng tổ tiên trong gia đình người Việt tại đô thị hiện nay”, trong Hội thảo khoa học: *Thực trạng các hoạt động TNTG trong gia đình Việt Nam*, tổ chức tại Quảng Nam.
6. Nguyễn Văn Thắng (2016), *Nghi lễ gia đình của người Mảng ở Việt Nam*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
7. Lương Song Toàn (2016), *Tín ngưỡng dân gian người Thái ở Mai Châu - Hòa Bình*, Q2. Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
8. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2017), *Kết quả điều tra xã hội học 2017 của đề tài “hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trong gia đình Việt Nam*, lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
9. Nguyễn Thị Yên (2009), *Tín ngưỡng dân gian Tày Nùng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Abstract

RELIGIOUS ACTIVITIES OF THE VIETNAMESE FAMILY: BASIC CHARACTERISTICS

Nguyen Ngoc Mai

Institute for Religious Studies, VASS

There are many ethnic groups in Vietnam. Each ethnic group has its own cultural patterns and a system of religious activities. This article indicates the religious activities of the Kinh family and some ethnic minorities as well as some basic characteristics of the religious activities. It also shows the common and specific characteristics, and the cohesion of the ethnic groups.

Keywords: Characteristic; religious activities; Vietnamese family.